TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/DS-ST
Ngày: 11/9/2017
Về việc: "Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hoài Sơn
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiển
Ông Ngô Văn Sỹ

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thái Trâm Anh là Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2017/TLST-DS, ngày 23 tháng 02 năm 2017, về "Tranh chấp thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2017/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G - sinh năm: 1955; Địa chỉ: Số 440 D S T K, tổ 113, phường H, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc Hùng - Luật sư của Văn phòng luật sư Đồng Thông thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 63 Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị M - sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số 260/45 Đ B P, tổ 115, phường C, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt lần hai).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Ông Lê Vĩnh Đ - sinh năm: 1980. (Có mặt).
+ Bà Lê Thị P - sinh năm: 1982. (Có mặt).

+ Ông Lê Vĩnh T - sinh năm: 1983. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 440 D S T K, tổ 113, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Nguyễn Thị T1 - sinh năm: 1981; Địa chỉ: Tổ 19B Lộc Phước 3, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. (*Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Bình Điền thuộc Bộ Công an, tỉnh Thừa Thiên Huế*). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị C - sinh năm: 1955; Địa chỉ: Tổ 19B Lộc Phước 3, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: Số 37 Hoàng Văn Thụ, phường phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án cũng như quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày**:

Tôi và ông Lê Vĩnh Á có quan hệ vợ chồng, ông Á chết ngày 19/9/1999 theo giấy chứng tử số 38/1999 ngày 25/10/1999 của Uỷ ban nhân dân phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng và không để lại di chúc. Giữa tôi và ông Á có 04 người con chung gồm: Lê Vĩnh Đ - sinh năm: 1980; Lê Thị P - sinh năm: 1982; Lê Vĩnh T - sinh năm: 1983; Lê Thị M - sinh năm: 1986. Ngoài ra, ông Á có 01 người con riêng là: Nguyễn Thị T1 - sinh năm: 1981. Cha, mẹ của ông Á đã chết từ lâu và không có cha, mẹ nuôi hay con nuôi.

Trong thời gian chung sống giữa tôi và ông Á có tạo lập được nhà và đất ở tại phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng nhưng do nhà và đất bị quy hoạch, giải tỏa thuộc dự án Liên Chiểu - Thuận Phước nên được nhà nước bố trí 01 lô đất tái định cư số 11 B2 tại khu tái định cư H M 3 (nay số 440 đường D S T K), phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng giao nhận Quyền sử dụng đất số 1159/HĐ-GD ngày 04/9/2002 Ban quản lý quốc lộ 1A Liên Chiểu - Thuận Phước và biên bản giao nhận đất ngày 26/6/2014 của Ban quản lý dự án hạ tầng giao thông Đô thị thuộc Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng (nay là Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng).

Sau khi được nhận đất tái định cư, tôi đã tiến hành xây dựng ngôi nhà cấp 4, mái tôn, tường xây với diện tích xây dựng 75m^2. Tài sản này hiện nay do tôi đang quản lý chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với

đất theo quy định của pháp luật mà chỉ có hợp đồng giao nhận Quyền sử dụng đất do tôi đứng tên trong hợp đồng.

Lý do chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là do con gái tôi là Lê Thị M đã cố ý chiếm giữ hợp đồng giao nhận Quyền sử dụng đất bản chính của tôi và có hành vi cản trở tôi làm thủ tục liên quan đến nhà và lô đất nêu trên, mặc dù tôi đã làm đơn nhờ Uỷ ban nhân dân phường H tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Hiện nay, đang nợ tiền quyền sử dụng đất đối với Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng tính đến 11/9/2017 với số tiền là 335.570.400đồng.

Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC VALUE - Chi nhánh Đà Nẵng đã xác định giá trị nhà và đất 1.404.204.331đồng (một tỷ, bốn trăm lẽ bốn triệu, hai trăm lẽ bốn nghìn, ba trăm ba mươi mốt đồng), trong đó giá trị quyền sử dụng đất 1.228.368.331đồng và giá trị các tài sản gắn liền với đất 175.836.000đồng thì tôi đồng ý và không có ý kiến gì.

Trong tổng giá trị tài sản nói trên thì của tôi có 50% giá trị tài sản, còn 50% giá trị tài sản còn lại của ông Á. Phần di sản của ông Á được chia đều cho 06 người gồm có tôi và 05 người con của ông Á. Nhưng khi chia thừa kế thì phải trừ đi khoản tiền 335.570.400đồng mà tôi và ông Á phải thực hiện nghĩa vụ nộp tiền quyền sử dụng đất cho nhà nước. Số tiền còn lại là 1.068.633.931đồng, được chia cho tôi và ông Á mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản được tính bằng tiền là 534.316.965đồng.

Như vậy, phần di sản chia thừa kế của ông Á có giá trị là 534.316.965đồng sẽ chia đều cho 06 người được hưởng thừa kế, mỗi người được hưởng là 89.052.827đồng.

Hiện nay, tôi đang là người quản lý, thờ phụng và có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất cho nhà nước nên xin nhận tài sản, đồng thời sẽ có trách nhiệm thối trả các kỷ phần cho các đồng thừa kế.

***** Quá trình thụ lý vụ án và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập bị đơn bà Lê Thị M đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng bà Mỹ không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện và không có ý kiến phản hồi.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Vĩnh Đ, bà Lê Thị P trình bày: Chúng tôi thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc cha mẹ chúng tôi là bà Nguyễn Thị G và ông Lê Vĩnh Á có quan hệ vợ chồng, cha chúng tôi (ông Á) chết ngày 19/9/1999, không để lại di chúc. Cha, mẹ của ông Á đã chết từ lâu và không có cha mẹ nuôi hay con nuôi.

Giữa cha mẹ chúng tôi sinh được 04 người con gồm: Lê Vĩnh Đ, Lê Thị P, Lê Vĩnh T, Lê Thị M. Ngoài ra, ông Á có 01 người con con riêng là Nguyễn Thị T1.

Trong thời gian chung sống giữa cha, mẹ chúng tôi có tạo lập được nhà và đất ở tại phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nhưng do nhà và đất bị quy hoạch, giải tỏa của dự án Liên Chiểu - Thuận Phước nên được nhà nước bố trí cho 01 lô đất số 11 B2, khu tái định cư H (nay số 440 đường D S T K), phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng giao nhận Quyền sử dụng đất số 1159/HĐ-GD ngày 04/9/2002 Ban quản lý quốc lộ 1A Liên Chiểu - Thuận Phước và biên bản giao nhận đất ngày 26/6/2014 của Ban quản lý dự án hạ tầng giao thông Đô thị thuộc Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng (nay là Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng).

Sau khi được bố trí đất tái định cư bà G đã tiến hành xây dựng ngôi nhà cấp 4, mái tôn, tường xây với diện tích xây dựng 75m^2. Tài sản này hiện nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật mà chỉ có hợp đồng giao nhận Quyền sử dụng đất do bà G đứng tên trong hợp đồng. Lý do chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là do con gái là Lê Thị M đã cố ý chiếm giữ hợp đồng giao nhận Quyền sử dụng đất bản chính và không chịu giao cho bà G, có hành vi cản trở bà G làm thủ tục liên quan đến nhà và lô đất nêu trên mặc dù Uỷ ban nhân dân phường H tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Hiện tại lô đất nói trên, bà G và ông Á đang còn nợ tiền quyền sử dụng đất đối với Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng tính đến ngày 11/9/2017 là 335.570.400đồng.

Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC VALUE - Chi nhánh Đà Nẵng đã xác định giá trị nhà và đất 1.404.204.331đồng (một tỷ, bốn trăm lẽ bốn triệu, hai trăm lẽ bốn nghìn, ba trăm ba mươi mốt đồng), trong đó giá trị quyền sử dụng đất 1.228.368.331đồng và giá trị các tài sản gắn liền với đất 175.836.000đồng thì chúng tôi đồng ý và không có ý kiến gì.

Trong giá trị tài sản nói trên thì của bà G có 50% giá trị tài sản, còn 50% giá trị tài sản còn lại là của ông Á nhưng do ông Á chết không để lại di chúc nên phần di sản được chia đều cho 06 người được hưởng thừa kế gồm: bà G, chúng tôi (Đ, P), ông Lê Vĩnh T, bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị T. Nhưng khi chia thừa kế thì phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền quyền sử dụng đất cho nhà nước số tiền 335.570.400đồng mà bà G và ông Á phải trả cho nhà nước. Giá trị tài sản còn lại là 1.068.633.931đồng được chia cho bà G và ông Á mỗi người được hưởng 50% giá

trị tài sản được tính bằng tiền là 534.316.965đồng. Như vậy, phần di sản chia thừa kế của ông Á được tính bằng tiền là 534.316.965đồng sẽ chia đều cho 06 người được hưởng thừa kế mỗi người được hưởng là 89.052.827đồng.

Hiện nay, bà G có nguyện vọng được nhận nhà và đất, vì hiện nay đang là người quản lý, thờ phụng, đồng thời phải nộp tiền sử dụng đất cho nhà nước và thối trích trả các kỷ phần thừa kế thì chúng tôi không có ý kiến gì. Nếu bà G thối trả kỷ phần cho chúng tôi thì chúng tôi không nhận và nhượng lại cho bà G được hưởng.

+ Ông Lê Vĩnh T trình bày có tại hồ sơ: Tôi thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc cha mẹ chúng tôi là bà Nguyễn Thị G và ông Lê Vĩnh Á có quan hệ vợ chồng, cha chúng tôi (ông Á) chết ngày 19/9/1999, không để lại di chúc. Cha, mẹ của ông Á đã chết từ lâu và không có cha mẹ nuôi hay con nuôi. Giữa cha mẹ chúng tôi sinh được 04 người con gồm: Lê Vĩnh Đ, Lê Thị P, Lê Vĩnh T, Lê Thị M. Ngoài ra, ông Á có 01 người con riêng là Nguyễn Thị T1.

Trong thời gian chung sống giữa cha, mẹ chúng tôi có tạo lập được nhà và đất ở tại phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng nhưng do nhà và đất bị quy hoạch, giải tỏa của dự án Liên Chiểu - Thuận Phước nên được nhà nước bố trí cho 01 lô đất số 11 B2, khu tái định cư H (nay số 440 đường D S T K), phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng giao nhận Quyền sử dụng đất số 1159/HĐ-GD ngày 04/9/2002 Ban quản lý quốc lộ 1A Liên Chiểu - Thuận Phước và biên bản giao nhận đất ngày 26/6/2014 của Ban quản lý dự án hạ tầng giao thông Đô thị thuộc Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng (nay là Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng).

Sau khi được bố trí đất tái định cư bà G đã tiến hành xây dựng ngôi nhà cấp 4, mái tôn, tường xây với diện tích xây dựng 75m^2. Tài sản này hiện nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật mà chỉ có hợp đồng giao nhận Quyền sử dụng đất do bà G đứng tên trong hợp đồng. Lý do chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là do con gái là Lê Thị M đã cố ý chiếm giữ hợp đồng giao nhận Quyền sử dụng đất bản chính và không chịu giao cho bà G, có hành vi cản trở bà G làm thủ tục liên quan đến nhà và lô đất nêu trên mặc dù Uỷ ban nhân dân phường Hòa Minh tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Hiện tại lô đất nói trên, bà G và ông Á đang nợ tiền quyền sử dụng đất đối với Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng tính đến ngày 11/9/2017 là 335.570.400đồng.

Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC VALUE - Chi nhánh Đà Nẵng đã xác định giá trị nhà và đất 1.404.204.331đồng (một tỷ, bốn trăm lẽ bốn triệu, hai trăm lẽ bốn nghìn, ba trăm ba mươi mốt đồng), trong đó giá trị quyền sử dụng đất 1.228.368.331đồng và giá trị các tài sản gắn liền với đất 175.836.000đồng thì chúng tôi đồng ý và không có ý kiến gì.

Trong giá trị tài sản nói trên thì của bà G có 50%, còn 50% giá trị tài sản còn lại là của ông Á nhưng do ông Á chết không để lại di chúc nên phần di sản được chia đều cho 06 người được hưởng thừa kế gồm bà G, chúng tôi (Đ, P), ông Lê Vĩnh T, bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị T. Nhưng khi chia thừa kế thì phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền quyền sử dụng đất cho nhà nước số tiền 335.570.400đồng mà bà G và ông Á phải trả cho nhà nước. Giá trị tài sản còn lại là 1.068.633.931đồng được chia cho bà G và ông Á mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản được tính bằng tiền là 534.316.965đồng. Như vậy, phần di sản chia thừa kế của ông Á được tính bằng tiền là 534.316.965đồng sẽ chia đều cho 06 người được hưởng thừa kế mỗi người được hưởng là 89.052.827đồng.

Hiện nay, bà G có nguyện vọng được nhận nhà và đất, vì hiện nay đang là người quản lý, thờ phụng, đồng thời phải nộp tiền sử dụng đất cho nhà nước và thối trích trả các kỷ phần thừa kế thì tôi không có ý kiến gì. Nếu bà G thối trả kỷ phần cho tôi thì tôi không nhận và nhượng lại cho bà G được hưởng.

- *Bà Nguyễn Thị T1 trình bày có tại hồ sơ*: Tôi là con của ông Lê Vĩnh Á và bà Nguyễn Thị Ca, giữa ông Á và bà Ca không có đăng ký kết hôn, ông Á chết ngày 19/9/1999, không để lại di chúc. Ngoài ra giữa ông Á và bà Ca không có con chung nào nữa. Trước khi có quan hệ tình cảm với mẹ tôi thì ông Á đã có vợ là bà Nguyễn Thị Giai và có 04 người con như bà Giai đã trình bày. Ông Á không có vợ con nào nữa, cha mẹ ông Á đã chết từ lâu.

Trong thời gian chung sống giữa ông Á và bà Giai có tạo lập được nhà và đất ở tại phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. Do nhà và đất bị quy hoạch, giải tỏa được nhà nước bố trí 01 lô đất số 11 B2 khu tái định cư H (nay số 440 đường D S T K), phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng giao nhận Quyền sử dụng đất số 1159/HĐ-GD của Ban quản lý quốc lộ 1A Liên Chiểu - Thuận Phước hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đang còn nợ tiền quyền sử dụng đất và đang còn nợ tiền tiền quyền sử dụng đất.

Nay bà G yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của ông Á thì tôi không có ý kiến gì và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Tôi xin nhận phần di

sản của cha tôi, còn đối với khoản nợ tiền quyền sử dụng đất thì tôi cùng với những người được hưởng thừa kế có nghĩa vụ trả cho Nhà nước.

- *Bà Nguyễn Thị C trình bày có tại hồ sơ:* Tôi và ông Lê Vĩnh Á có quan hệ tình cảm với nhau và sinh ra 01 người con tên là Nguyễn Thị T1 - sinh năm: 1981. Giữa chúng tôi không có đăng ký kết hôn chỉ phát sinh quan hệ tình cảm và không có chung sống với nhau. Ông Á chết ngày 19/9/1999, không để lại di chúc. Trước khi phát sinh quan hệ tình cảm thì ông Á đã có vợ là bà Nguyễn Thị G và có 04 người con, ngoài ra ông Á không có vợ con nào nữa, cha mẹ ông Á đã chết từ lâu.

Trong thời gian chung sống giữa ông Á và bà G có tạo lập được nhà và đất ở tại phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Do nhà và đất bị quy hoạch, giải tỏa được nhà nước bố trí 01 lô đất số 11B2 (nay số 440 đường D S T K) phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng giao nhận Quyền sử dụng đất số 1159/HĐ-GD của Ban quản lý quốc lộ 1A Liên Chiểu - Thuận Phước hiện chưa được cấp Giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đang còn nợ tiền quyền sử dụng đất.

Nay bà G yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của ông Á thì tôi không có ý kiến gì. Tôi không nhận phần thừa kế vì tài sản đó của bà G và ông Á, còn tôi chỉ quan hệ về mặt tình cảm và sinh ra con gái là Nguyễn Thị T1 nên tôi không được hưởng thừa kế của ông Á.

** Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nãng có văn bản phản hồi tại Công văn số 1615/TTPTQĐ- QLPTQĐ ngày 02/6/2017 và Công văn số 321/CH3-QLĐTĐC ngày 08/9/2017 có tại hồ sơ:*

Hộ bà Nguyễn Thị G thuộc diện giải tỏa dự án đường Liên Chiểu - Thuận Phước, được bố trí tái định cư lô đất số 11 phân khu B2, đường 7,5m, Khu TĐC H, đã ký hợp đồng số 1159/HĐ-GĐ ngày 04/9/2002 với Ban quản lý dự án quốc lộ 1A và Liên Chiểu - Thuận Phước. Trong đó, ghi nợ tiền quyền sử dụng đất là 69.840.000đồng, được quy đổi ra 121,461 chỉ vàng.

Ngày 31/12/2016, bà G có đơn cam kết nộp tiền trước và khi nào con gái Lê Thị M cung cấp hồ sơ gốc mới tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Trung tâm phát triển quỹ đất đã lập thông báo thu nợ tiền quyền sử dung đất số 7274/TB-QL&PTQĐ với số tiền sử dụng đất nợ phải nộp là 316.800.000đồng. Tuy nhiên, đến nay hộ bà G vẫn chưa nộp tiền sử dụng đất còn nợ và Ngân sách nhà nước nên hộ bà Giai sẽ bị phạt chậm nộp tiền sử dụng đất 0,03%/mỗi ngày tính trên số tiền chậm nộp kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền theo Thông báo số 7274/TB-QL&PTQĐ ngày 31/12/2016.

Ngày 08/9/2017, trên cơ sở Thông báo số 7274/TB-QL&PTQĐ ngày 31/12/2016 thì số tiền sử dụng đất phải nộp tính đến ngày 11/9/2017 là 335.570.400đồng.

Nếu nộp tiền sử dụng đất sau ngày 11/9/2017 thì sẽ tính chậm nộp tiền sử dụng đất với mức 0,03%/mỗi ngày tính trên số tiền chậm nộp kể từ ngày 11/9/2017 đến ngày nộp đủ tiền sử dụng đất phải nộp.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng có quan điểm*:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi nghị án.

Các đương sự gồm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Vĩnh Đ, bà Lê Thị P đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 73 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lê Thị M trong quá trình giải quyết vắng mặt và không có ý kiến phản hồi nên chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố Đà Nẵng, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C tuy có văn bản phản hồi cho Tòa án và ông Lê Vĩnh T tại phiên tòa vắng mặt nên chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng thủ tục tố tụng quy định tại các Điều 70, 73 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện về "tranh chấp thừa kế tài sản", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 623; 650; 651; 660 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về diện và hàng thừa kế: Theo khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Á gồm có 06 người gồm: Bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vĩnh Đ, bà Lê Thị P, ông Lê Vĩnh T, bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị T.

Về di sản thừa kế: Ông Lê Vĩnh Á và bà Nguyễn Thị G có 01 ngôi nhà có cấu trúc: Tường xây, mái tôn, nền gạch hoa, gác lững bê tông cốt thép + gỗ, diện tích xây dựng 68,9m^2, diện tích sử dụng 118,9m^2 được xây dựng trên diện tích đất 75m^2 tại lô đất số 11 B2 khu tái định cư Hòa Minh 3 (nay số 440 đường Dũng Sĩ Thanh Khê), phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng giao nhận Quyền sử dụng đất số 1159/HĐ-GD ngày 04/9/2002 Ban quản lý quốc lộ 1A Liên Chiểu - Thuận Phước và biên bản giao nhận đất ngày 26/6/2014

của Ban quản lý dự án hạ tầng giao thông Đô thị thuộc Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng.

Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC VALUE - Chi nhánh Đà Nẵng đã xác định giá trị nhà và đất 1.404.204.331đồng. Tuy nhiên, ông Á và bà G hiện nay đang còn nợ tiền quyền sử dụng đất đối với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng nên phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 335.570.400đồng, giá trị tài sản còn lại là 1.068.633.931đồng và được chia cho bà G và ông Á mỗi người hưởng 50% giá trị tài sản được tính bằng tiền là 534.316.965đồng.

Do bà G có nguyện vọng xin được nhận nhà và đất, xét thấy yêu cầu của bà G là chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao nhà và đất cho bà G sở hữu, sử dụng. Đồng thời, bà G phải có nghĩa vụ nộp tiền quyền sử dụng đất 335.570.400đồng cho nhà nước và thối trả lại cho 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Á gồm có bà G, ông Lê Vĩnh Đ, bà Lê Thị P, ông Lê Vĩnh T, bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị T1 mỗi người được hưởng 89.052.827đồng.

Tại phiên tòa ông Lê Vĩnh Đ, bà Lê Thị P cũng như ông Lê Vĩnh T trong quá trình giải quyết tự nguyện nhường phần mình được hưởng cho bà G. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Như vậy, phần bà G được hưởng là 356.211.308đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

(1) *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lê Thị M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Vĩnh T, Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố Đà Nẵng nhưng bà M, ông T, người đại diện theo pháp luật của Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố Đà Nẵng vắng mặt tại phiên tòa; còn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà Lê Thị M, ông Lê Vĩnh T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị C, Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố Đà Nẵng.

(2) *Về nội dung vụ án*:

2.1. Về diện và hàng thừa kế: Bà Nguyễn Thị G và ông Lê Vĩnh Á có quan hệ là vợ chồng, ông Á chết ngày 19/9/1999 và không để lại di chúc. Cha, mẹ của ông Á đã chết từ lâu và không có cha mẹ nuôi hay con nuôi. Giữa ông Á và bà G có

04 người con chung gồm: Lê Vĩnh Đ, Lê Thị P, Lê Vĩnh T, Lê Thị M. Ngoài ra, ông Á có 01 người riêng là Nguyễn Thị T. Do đó, theo khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Á gồm có 06 người gồm: Bà Nguyễn Thị Gi, ông Lê Vĩnh Đ, bà Lê Thị P, ông Lê Vĩnh T, bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị T1.

2.2. Về di sản thừa kế: Ông Lê Vĩnh Á và bà Nguyễn Thị G có 01 ngôi nhà có cấu trúc: Tường xây, mái tôn, nền gạch hoa, gác lững bê tông cốt thép + gỗ, diện tích xây dựng 68,9m^2, diện tích sử dụng 118,9m^2 được xây dựng trên diện tích đất 75m^2 tại lô đất số 11 B2 khu tái định cư H (nay số 440 đường D S T K), phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng giao nhận Quyền sử dụng đất số 1159/HĐ-GD ngày 04/9/2002 Ban quản lý quốc lộ 1A Liên Chiểu - Thuận Phước và biên bản giao nhận đất ngày 26/6/2014 của Ban quản lý dự án hạ tầng giao thông Đô thị thuộc Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng (nay là Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng).

Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC VALUE - Chi nhánh Đà Nẵng đã xác định giá trị nhà và đất 1.404.204.331đồng (một tỷ, bốn trăm lẽ bốn triệu, hai trăm lẽ bốn nghìn, ba trăm ba mươi mốt đồng), trong đó giá trị quyền sử dụng đất 1.228.368.331đồng và giá trị các tài sản gắn liền với đất 175.836.000đồng. Tuy nhiên, ông Á và bà G hiện nay đang còn nợ tiền quyền sử dụng đất đối với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng nên phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 335.570.400đồng. Giá trị tài sản còn lại là 1.068.633.931đồng, bà G và ông Á mỗi người được hưởng 50% được tính bằng tiền là 534.316.965đồng.

Tại phiên tòa, bà G có nguyện vọng xin được nhận nhà và đất, vì hiện nay đang là người quản lý, thờ phụng, đồng thời phải nộp tiền sử dụng đất cho nhà nước và thối trả các kỷ phần cho hàng thừa kế của ông Á. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của bà G là chính đáng nên giao nhà và đất cho bà G sở hữu, sử dụng, đồng thời bà G phải có nghĩa vụ thối trả lại cho 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Á gồm có bà G, ông Lê Vĩnh Đ, bà Lê Thị P, ông Lê Vĩnh T, bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị T1 mỗi người được hưởng 89.052.827.6đồng (534.316.965đồng: 6).

Tại phiên tòa ông Lê Vĩnh Đ, bà Lê Thị P cũng như ông Lê Vĩnh T trong quá trình giải quyết tự nguyện nhường phần mình được hưởng cho bà G. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Như vậy, phần bà G được hưởng là 356.211.308đồng (89.052.827đồng + 89.052.827đồng + 89.052.827đồng + 89.052.827đồng).

2.3. Về án phí, chi phí tố tụng:

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị G phải chịu là 17.810.565đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.396.000đồng tại biên lai thu số 0006850 ngày 21/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Số tiền bà G còn phải nộp thêm là 16.414.565đồng.

- Bà Lê Thị M phải chịu là 4.452.641đồng.

- Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu là 4.452.641đồng.

* Chi phí định giá tài sản: 6.000.000đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000076 ngày 28/6/2017 của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC VALUE - Chi nhánh Đà Nẵng, bà Nguyễn Thị G tự nguyện chịu. (Đã nộp và đã chi).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Các Điều 623; 650; 651; 660 của Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xác định phần tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị G và ông Lê Vĩnh Á (chết năm 1999) gồm có: 01 ngôi nhà có cấu trúc tường xây, mái tôn, nền gạch hoa, gác lững bê tông cốt thép + gỗ, diện tích xây dựng 68,9m^2, diện tích sử dụng 118,9m^2 được xây dựng trên diện tích đất 75m^2 tại lô đất số 11 B2 tại khu tái định cư H (nay số 440 đường D S T K), phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng giao nhận Quyền sử dụng đất số 1159/HĐ-GD ngày 04/9/2002 Ban quản lý quốc lộ 1A Liên Chiểu - Thuận Phước và biên bản giao nhận đất ngày 26/6/2014 của Ban quản lý dự án hạ tầng giao thông Đô thị thuộc Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng (nay là Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng).

Nhà và đất có giá trị 1.404.204.331đồng (một tỷ, bốn trăm lẽ bốn triệu, hai trăm lẽ bốn nghìn, ba trăm ba mươi mốt đồng), trong đó giá trị quyền sử dụng đất 1.228.368.331đồng và giá trị các tài sản gắn liền với đất 175.836.000đồng. Sau khi trừ đi số tiền 335.570.400đồng phải thực hiện nộp tiền quyền sử dụng đất đối với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng, giá trị tài sản còn lại là 1.068.633.931đồng, bà Nguyễn Thị G và ông Lê Vĩnh Á mỗi người được hưởng 50% được tính bằng tiền là 534.316.965đồng.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Vĩnh Á (chết năm 1999) gồm có: Bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vĩnh Đ, bà Lê Thị P, ông Lê Vĩnh T, bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị T1.

3. Giao nhà và đất cho bà Nguyễn Thị G được quyền sở hữu, sử dụng. Đồng thời bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ nộp tiền quyền sử dụng đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng số tiền 335.570.400đồng (ba trăm ba mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng).

4. Bà Nguyễn Thị G có trách nhiệm thối trả cho bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị T1 mỗi kỷ phần là: 89.052.827đồng(tám mươi chín triệu không trăm năm mươi hai triệu tám trăm hai mươi bảy đồng).

5. Công nhận sự tự nguyện của ông Lê Vĩnh Đ, bà Lê Thị P, ông Lê Vĩnh T nhường phần của mình được hưởng số tiền 89.052.827đồng(tám mươi chín triệu không trăm năm mươi hai triệu tám trăm hai mươi bảy đồng) cho bà Nguyễn Thị G. Như vậy, phần bà G được hưởng 356.211.308đồng.

6. Bà Nguyễn Thị G có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời công nhận quyền sử dụng đất và ghi nhận tài sản gắn liền với đất, nộp các nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật.

7. Về án phí, chi phí tố tụng:

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị G phải chịu là 17.810.565đồng (mười bảy triệu tám trăm mười nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.396.000đồng (một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng) tại biên lai thu số 0006850 ngày 21/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Số tiền bà G còn phải nộp thêm là 16.414.565đồng (mười sáu triệu bốn trăm mười bốn nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng).

- Bà Lê Thị M phải chịu là 4.452.641đồng (bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi mốt đồng).

- Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu là 4.452.641đồng (bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi mốt đồng).

* Chi phí định giá tài sản: 6.000.000đồng (sáu triệu đồng) theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000076 ngày 28/6/2017 của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC VALUE - Chi nhánh Đà Nẵng, bà Nguyễn Thị G tự nguyện chịu. (Đã nộp và đã chi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niên yết) trích sao bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Sơn